## BẢNG KIỂM KỸ NĂNG HỎI BỆNH SỬ TĂNG HUYẾT ÁP

HỌ VÀ TÊN SV:	TÔ:
---------------	-----

Ngày thi:

STT	No	Điểm chuẩn	Điểm SV				
KỸ NĂNG GIAO TIẾP							
1.	Chào hỏi bệnh nhân, tự gi	0.25					
2.	Sử dụng câu hỏi mở – đón	0.25					
3.	Dùng từ đơn giản, dễ hiểu dùng phải giải thích rõ ràn	0.25					
4.	Ngôn ngữ nhẹ nhàng, tế nh một câu	0.25					
5.	Khuyến khích và khen ngợi việc đúng của bệnh nhân		0.25				
6.	Lắng nghe và đồng cảm	0.25					
	HỎI BỆNH SỬ						
7.	Xác định bệnh nhân có tăng huyết áp bằng cách hỏi về:	<ul> <li>Trị số huyết áp lần này</li> <li>Những lần đo trước đó</li> <li>Đang điều trị thuốc tăng huyết áp</li> </ul>	0.5 0.5 0.5				
8.	Hỏi triệu chứng tổn thương cơ quan đích	<ul> <li>Não</li> <li>Mắt</li> <li>Tim</li> <li>Động mạch vành</li> <li>Thận</li> <li>Mạch máu ngoại biên</li> </ul>	0.5 0.5 0.5 0.5 0.5 0.5				

Tổng cộng			10			
13.	Tác phong chuyên nghiệp móng tay cắt ngắn, không	0.25				
12.	Thái độ tôn trọng người bệnh, ân cần thân thiện (Tôn trọng người bệnh, ngữ điệu nhẹ nhàng, giải thích rõ ràng dễ hiểu)					
TÍNH CHUYÊN NGHIỆP						
	thuốc	<ul> <li>Các thuốc điều trị tăng huyết áp đang uống</li> </ul>	0.5			
11.	Hỏi tiền căn sử dụng	<ul> <li>Các thuốc làm tăng huyết áp: ngừa thai, cam thảo, Corticoides</li> </ul>	0.5			
10.	Hỏi thói quen người bệnh	- Uống rượu - Ăn mặn	0.25 0.5			
9.	Hỏi liên quan đến yếu tố nguy cơ tim mạch	<ul> <li>Béo phì hoặc thừa cân</li> <li>Lối sống tĩnh tại</li> <li>Đái tháo đường</li> <li>Rối loạn lipid máu</li> <li>Gia đình có bệnh tim mạch sớm</li> </ul>	0.25 0.25 0.25 0.25 0.25			
		- Tuổi - Hút thuốc lá	0.25 0.25			

## GHI CHÚ:

## GIẢNG VIÊN CHẨM THI (Ký và ghi rõ họ và tên)